

**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH  
BẮC GIANG**

Số: 113 /CV-NSBG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2024

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang thực hiện công bố thông tin Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01 đến 30/06/2024 với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Mã chứng khoán: BGW

Địa chỉ: Số 386 đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang

Điện thoại liên hệ: 02043 855 757

Email: [capnuocbg@gmail.com](mailto:capnuocbg@gmail.com) – Website: [bacgiangwsc.com.vn](http://bacgiangwsc.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2024.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng;

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2024 tại đường dẫn:

<https://bacgiangwsc.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TV./.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC giữa niên độ được soát xét;
- Văn bản giải trình giảm lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm trước;
- Văn bản giải trình vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán viên;

**Người đại diện theo pháp luật**

**Chủ tịch HĐQT**



**Hương Xuân Công**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	10
6. Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	11 - 30
7. Phụ lục số 01 - Tài sản cố định hữu hình	31
8. Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	32



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép Công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ : 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

### 2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 386, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại : 02043.855757

Mã số thuế : 2400126106

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- SXKD nước sạch, xây dựng.

### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

#### 4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hướng Xuân Công	Chủ tịch	-	-
Ông Trần Đăng Điều	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	-	-
Ông Bùi Vĩnh Bắc	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	14/04/2024	-
Ông Ngô Thành Chung	Thành viên	-	14/04/2024

#### 4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban	-	-
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên	-	-
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	14/04/2024	-
Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên	-	14/04/2024

#### 4.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Đăng Điều	Giám đốc
Ông Bùi Thế Bình	Phó Giám đốc
Ông Bùi Vĩnh Bắc	Phó Giám đốc

## 5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hương Xuân Công – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 32.

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 9. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng Quản trị



**HƯỚNG XUÂN CÔNG**

**Chủ tịch HĐQT**

Bắc Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2024



Số: 2411/24/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

2817  
ĐANG T  
NHIỆM H  
ÁN VÀ  
IÁN Y  
P. H.C



**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến:

- Thuyết minh V.9 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, về chi phí xây dựng cơ bản dở dang, trong đó mô tả như sau:

Dự án Nhà máy nước số 2 Công ty đang là Chủ đầu tư, đã dừng triển khai theo Thông báo số 120-TB/TU của Tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016, để đầu tư vào Dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

Số tiền đã đầu tư vào Dự án Xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang là 12.002.822.443 đồng. Toàn bộ chi phí đã phát sinh này sẽ được tập hợp và giải quyết khi Dự án được quyết toán.

Theo Thông báo kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang số 120-TB/TU ngày 25 tháng 11 năm 2016: Nhất trí chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, dừng triển khai và không vay vốn ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) thực hiện Dự án Nhà máy nước số 2 Thành phố Bắc Giang do Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang làm chủ đầu tư, theo đề xuất của chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 3686/TTr-UBND ngày 18/11/2016 về việc chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính làm trung gian, phối hợp chặt chẽ với Công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Công ty CP Nhựa Đồng Nai trong quá trình Công ty CP Nhựa Đồng Nai tham gia mua cổ phần làm cổ đông chiến lược của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang cũng như giải quyết các chi phí đã phát sinh cho Dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang vay vốn ADB theo quy định.

Đơn vị đã trích trước chi phí cho Dự án này với số tiền là 2.000.000.000 đồng để chờ hướng xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thuyết minh V.15 và V.18a về chi phí phải trả trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó việc tạm trích khấu hao TSCĐ hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam, có mô tả như sau:

Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng. Theo Thông báo số 230/UBND-XD của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 25 tháng 01 năm 2014, UBND tỉnh đồng ý cho UBND huyện Lục Nam bàn giao cho Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Giang nay là Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang quản lý, vận hành dự án trên. Tuy nhiên, hiện nay Công ty vẫn chưa nhận được biên bản bàn giao của UBND huyện Lục Nam cho đơn vị về dự án trên, vì vậy đơn vị đã tạm trích khấu hao (10%) cho Dự án này để có nguồn vốn phải trả khi nhận được bàn giao từ đơn vị chủ quản trong năm theo giá trị quyết toán của UBND tỉnh Bắc Giang và dừng trích từ ngày 01/07/2019. Hiện tại Công ty đang theo dõi tài sản nhận giữ hộ của các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán, chờ hướng xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**



**Nguyễn Thị Ngọc Nga – Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKHN số 0351-2023-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		27.456.101.248	40.706.043.047
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		27.456.101.248	40.706.043.047
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	1.476.638.860	2.186.056.391
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	305.000.000	440.281.237
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	1.498.962.959	1.739.227.785
314	4. Phải trả người lao động	V.14	3.970.739.800	15.804.684.700
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	18.372.019.322	18.349.616.627
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		396.744.000	276.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	1.435.996.307	1.910.176.307
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		186.761.322.127	192.335.650.633
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.17	186.761.322.127	192.335.650.633
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.494.460.205	181.494.460.205
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.494.460.205	181.494.460.205
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		881.673.248	881.673.248
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.385.188.674	9.959.517.180
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		13.620.772	552.876
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.371.567.902	9.958.964.304
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>214.217.423.375</b>	<b>233.041.693.680</b>

Người lập biểu

*Trần Đức Thanh*

TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Phương Thảo*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Bắc Giang, ngày 18 tháng 8 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



HƯƠNG XUÂN CÔNG

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	84.975.238.856	80.829.699.069
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	10.372.222	4.407.661
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.964.866.634	80.825.291.408
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	56.909.119.427	50.907.043.883
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.055.747.207	29.918.247.525
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	703.508.830	2.112.771.142
22	7. Chi phí tài chính		-	16.339.725
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	16.339.725
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	15.756.567.694	16.737.250.565
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	7.927.376.006	8.449.314.810
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.075.312.337	6.828.113.567
31	11. Thu nhập khác	VI.7	445.992.591	426.844.767
32	12. Chi phí khác		41.627.497	-
40	13. Lợi nhuận khác		404.365.094	426.844.767
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.479.677.431	7.254.958.334
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	1.108.109.529	1.450.991.667
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.371.567.902	5.803.966.667
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	217	272
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	217	272

Người lập biểu



TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Bắc Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2024



Chủ tịch HĐQT

HƯƠNG XUÂN CÔNG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		92.391.587.555	88.443.062.289
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(54.376.163.260)	(57.137.425.908)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(29.974.977.677)	(27.594.571.864)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	(16.339.725)
05	5. Tiền thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(1.401.827.946)	(1.124.602.562)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.463.152.555	3.002.928.556
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.043.631.025)	(14.394.666.587)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(3.941.859.798)</b>	<b>(8.821.615.801)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.305.964.941)	(2.623.023.160)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		27.891.664.848	7.041.334.559
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		287.064.230	178.621.250
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>22.872.764.137</b>	<b>4.596.932.649</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	4.000.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	(4.000.000.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.18	(9.833.265.968)	(8.965.780.575)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(9.833.265.968)</b>	<b>(8.965.780.575)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>9.097.638.371</b>	<b>(13.190.463.727)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>31.291.148.161</b>	<b>16.914.545.556</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	V.1	<b>40.388.786.532</b>	<b>3.724.081.829</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 11 tháng 8 năm 2024

Chủ tịch HĐQT







TRẦN ĐỨC THANH

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HƯƠNG XUÂN CÔNG

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Cổ phần.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh nước sạch và xây dựng.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình điện hạ thế từ 35KV trở xuống.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày mang tính so sánh giữa kỳ kế toán.

### 6. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu trong kỳ tăng nhưng lợi nhuận giảm do giá vốn tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước.

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo ngày 30 tháng 06 năm 2024 Công ty có 269 nhân viên đang làm việc. (Số đầu năm là 270 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện dựa trên nguyên tắc:

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:
  - Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được, kể cả trường hợp không có biên bản đối chiếu công nợ hoặc đối tượng nợ không ký xác nhận công nợ hoặc bỏ trốn, mất tích. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
  - Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng đối tượng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.
- Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định đối tượng nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Việc xóa các khoản nợ phải thu khó đòi phải thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Đối với khoản tổn thất về nợ phải thu nếu đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì Công ty sử dụng số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập để bù đắp, trường hợp số dự phòng đã trích lập không đủ bù đắp tổn thất thì số tổn thất còn lại được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30 năm
Tài sản cố định khác	03 - 25 năm

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm/theo thời gian giao đất (10 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

## 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 11. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

## 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu bán nước sạch*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu xây dựng và doanh thu lắp đặt đồng hồ nước*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm là khoản giảm trừ hàng bán.

#### 15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của thành phẩm và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

#### 19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

75  
TY  
NHỮU  
VÀ T  
V  
HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)****1. Tiền**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	753.681.529	48.332.512
1.2	Tiền gửi ngân hàng	5.749.787.225	7.952.765.913
1.3	Các khoản tương đương tiền	33.885.317.778	23.290.049.736
<b>Tổng cộng</b>		<b>40.388.786.532</b>	<b>31.291.148.161</b>

**1.2 Tiền gửi ngân hàng**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.2	Tiền Việt Nam		
1.2.1	Ngân hàng NN & Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang	2.947.939.980	5.496.004.345
1.2.2	Ngân hàng TMCP Vietcombank Bắc Giang	1.147.894.144	1.102.840.911
1.2.3	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Bắc Giang	633.219.833	604.411.502
1.2.4	Ngân hàng TMCP Vietinbank Bắc Giang	669.822.236	392.171.434
1.2.5	Ngân hàng TMCP Techcombank Bắc Giang	350.350.145	356.777.395
1.2.6	Ngân hàng Hợp tác xã VN – CN Bắc Giang	560.887	560.326
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.749.787.225</b>	<b>7.952.765.913</b>

*Không có khoản tiền gửi nào bị phong tỏa hay đem đi cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.***1.3 Các khoản tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.3.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Techcombank	16.527.675.777	5.530.521.605
1.3.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietcombank	1.702.310.137	5.500.000.000
1.3.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	2.029.468.503	4.020.453.029
1.3.4	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang	3.140.092.274	3.094.468.199
1.3.5	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank – Chi nhánh Yên Dũng	2.160.079.800	2.130.046.700
1.3.6	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	6.026.772.600	2.009.034.800
1.3.7	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang	2.298.918.687	-
1.3.8	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietinbank	-	1.005.525.403
<b>Tổng cộng</b>		<b>33.885.317.778</b>	<b>23.290.049.736</b>

*Không có khoản tiền gửi nào bị phong tỏa hay đem đi cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu khách hàng khác</b>	<b>1.646.825.916</b>	<b>1.103.621.658</b>
Trường THPT Lục Ngạn 2	202.247.000	202.247.000
Các đối tượng khác	1.444.578.916	901.374.658
<b>Cộng</b>	<b>1.646.825.916</b>	<b>1.103.621.658</b>

*Trong đó, số nợ phải thu khó đòi là 202.247.000 đồng.***3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho các đối tượng khác</b>	<b>19.510.616.794</b>	<b>23.059.688.546</b>
Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng nước DNP Bắc Giang (*)	16.721.408.738	20.371.557.996
Công ty CP Đầu Tư-Xây dựng-XNK TH Minh Ngọc (**)	2.600.000.000	2.600.000.000
Các đối tượng khác	189.208.056	88.130.550
<b>Cộng</b>	<b>19.510.616.794</b>	<b>23.059.688.546</b>

(\*) Là khoản ứng trước tiền mua buôn nước sạch

(\*\*) Là khoản tạm ứng trước cho nhà thầu tư vấn để thực hiện Dự án Nhà máy nước số 2.

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.1	Tạm ứng	40.000.000	502.000.000
4.2	Phải thu ngắn hạn khác	105.768.000	344.606.245
<b>Tổng cộng</b>		<b>145.768.000</b>	<b>846.606.245</b>

**4.1 Tạm ứng**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tạm ứng cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Tạm ứng cho các đối tượng khác</b>	<b>40.000.000</b>	<b>502.000.000</b>
Lương Thị Cúc	10.000.000	-
Phạm Quang Ngọc	8.000.000	-
Vũ Đình Đức	8.000.000	-
Phạm Hữu Hồng	-	400.000.000
An Đình Thành	-	70.000.000
Đối tượng khác	14.000.000	32.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000</b>	<b>502.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4.2 Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	-	-
Phải thu đối tượng khác	105.768.000	344.606.245
Tính trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	97.000.000	337.000.000
Đối tượng khác	8.768.000	7.606.245
<b>Cộng</b>	<b>105.768.000</b>	<b>344.606.245</b>

**5. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		202.247.000	-		-	-
Trường THPT Lục Ngạn 2	Trên 3 năm	202.247.000	-	Trên 3 năm	202.247.000	-
<b>Cộng</b>		<b>202.247.000</b>	<b>-</b>		<b>202.247.000</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Cộng
Số đầu năm	(202.247.000)	(202.247.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<b>(202.247.000)</b>	<b>(202.247.000)</b>

**6. Hàng tồn kho**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.1	Nguyên liệu, vật liệu	8.011.833.539	-	8.745.793.042	-
6.2	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	339.127.699	-	1.409.336.607	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.350.961.238</b>	<b>-</b>	<b>10.155.129.649</b>	<b>-</b>

**6.1 Nguyên liệu, vật liệu**

Là giá trị tồn kho của nguyên vật liệu xây lắp như: Gang, thép, ống nhựa... và nguyên vật liệu để sản xuất nước như: Clo, phèn, hóa chất...

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tại phụ lục số 01.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tính hóa đơn nước	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	519.777.977	60.000.000	579.777.977
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	519.777.977	60.000.000	579.777.977
<i>Trong đó, TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	519.777.977	60.000.000	579.777.977
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			
1. Giá trị hao mòn đầu năm	519.777.977	60.000.000	579.777.977
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Giá trị hao mòn cuối kỳ	519.777.977	60.000.000	579.777.977
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

**9. Chi phí xây dựng cơ bản**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước cho xã Nghĩa Trung và xã Quế Nham	31.483.052.746	29.222.392.918
Dự án nhà máy nước số 2 (*)	12.002.822.443	12.002.822.443
Dự án Hệ thống cấp nước sạch cho xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên	8.286.921.591	7.779.396.607
Dự án Hệ thống cấp nước sạch cho xã Tam Dị và xã Tiên Nha huyện Lục Nam	10.606.867.740	6.138.658.223
Công trình khác	964.767.173	5.425.363.288
<b>Cộng</b>	<b>63.344.431.693</b>	<b>60.568.633.479</b>

(\*) Hiện Dự án Nhà máy nước số 2 đơn vị đang là chủ đầu tư đã dừng triển khai theo Thông báo số 120-TB/TU của tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào Dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hiện tại toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án Xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh với số tiền là 12.002.822.443 đồng. Toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án Xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh này sẽ được tập hợp và giải quyết khi Dự án được quyết toán.

Theo thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang số 120-TB/TU ngày 25/11/2016: Nhất trí chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang của Công ty CP Nhựa Đồng Nai, dừng triển khai và không vay vốn ADB thực hiện Dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang do Công ty CP Nước sạch Bắc Giang làm chủ đầu tư, theo đề xuất của chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 3686/TTr-UBND ngày 18/11/2016. Chi đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính làm trung gian, phối hợp chặt chẽ với Công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Công ty CP Nhựa Đồng Nai trong quá trình Công ty CP Nhựa Đồng Nai tham gia mua cổ



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

phần làm cổ đông chiến lược của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang cũng như giải quyết các chi phí đã phát sinh cho Dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang vay vốn ADB theo quy định.

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

Tình hình biến động

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.467.208.222	956.953.225
Tăng trong kỳ	2.683.888.473	827.068.512
Giảm trong kỳ	(2.075.548.349)	(754.166.117)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.075.548.346</b>	<b>1.029.855.620</b>
Chi tiết gồm:	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa TSCĐ	2.075.548.346	1.467.208.222
<b>Cộng</b>	<b>2.075.548.346</b>	<b>1.467.208.222</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>504.360.000</b>	-
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	504.360.000	-
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>972.278.860</b>	<b>2.186.056.391</b>
Công Ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL	108.314.820	-
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Dịch vụ M&Q	384.013.980	791.804.207
Công ty CP XD và TM Đăng Dững	-	509.169.150
Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	-	211.704.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	-	-
Đối tượng khác	479.950.060	673.379.034
<b>Cộng</b>	<b>1.476.638.860</b>	<b>2.186.056.391</b>

*Trong đó: Không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn*

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Là khoản tiền khách hàng ứng trước để lắp đặt đồng hồ sử dụng nước sạch.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết gồm:	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT đầu ra	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN	1.001.428.025	-	1.108.109.529	1.401.827.946	707.709.608	-
Thuế TNCN	26.775.345	-	468.634.065	483.692.850	11.716.560	-
Thuế tài nguyên	20.168.875	-	177.672.564	163.810.039	34.031.400	-
Phí nước thải SH	661.446.640	-	3.903.991.647	3.819.932.896	745.505.391	-
Thuế, phí khác	29.408.900	-	203.902.602	233.311.502	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.739.227.785</b>	<b>-</b>	<b>5.862.310.407</b>	<b>6.102.575.233</b>	<b>1.498.962.959</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xây lắp là 10%, từ ngày 01/07/2023, thuế suất GTGT là 8%. Thuế suất thuế GTGT của hoạt động cung cấp nước sạch là 5%. Thuế suất thuế GTGT cung cấp dịch vụ cho khu chế xuất là 0%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Bảng ước tính thuế TNDN trong kỳ được dự tính như bảng sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.479.677.431	7.254.958.334
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	60.870.214	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.540.547.645	7.254.958.334
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	5.540.547.645	7.254.958.334
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.108.109.529</b>	<b>1.450.991.667</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.108.109.529</b>	<b>1.450.991.667</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.108.109.529</b>	<b>1.450.991.667</b>

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp là dựa trên thu nhập chịu thuế ước tính có thể xem xét và điều chỉnh khi cơ quan thuế quyết toán.

#### Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được tính trên khối lượng nước thô đơn vị khai thác trong năm. Đơn giá tính thuế tài nguyên là 2.500 đồng/m<sup>3</sup>. Thuế suất thuế tài nguyên là 1%.

#### Thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Phải trả người lao động

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lương phải trả	3.970.739.800	15.804.684.700
<b>Cộng</b>	<b>3.970.739.800</b>	<b>15.804.684.700</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Chi phí phải trả**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí khấu hao TSCĐ hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam (*)	13.804.726.250	13.804.726.250
Trích trước chi phí cho Dự án Nhà máy nước số 2 (**)	2.000.000.000	2.000.000.000
Chi phí phải trả khác	2.567.293.072	2.544.890.377
<b>Cộng</b>	<b>18.372.019.322</b>	<b>18.349.616.627</b>

(\*)Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng. Theo Thông báo số 230/UBND-XD của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 25 tháng 01 năm 2014, UBND tỉnh đồng ý cho UBND huyện Lục Nam bàn giao cho Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Giang nay là Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang quản lý, vận hành dự án trên. Tuy nhiên, hiện nay đơn vị vẫn chưa nhận được biên bản bàn giao của UBND huyện Lục Nam cho đơn vị về dự án trên vì vậy hiện tại đơn vị đang tạm trích khấu hao phải trả (10%) cho Dự án này để có nguồn vốn phải trả khi nhận được bàn giao từ đơn vị chủ quản trong năm theo giá trị quyết toán của UBND tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, đơn vị đã dừng trích khấu hao từ ngày 01/07/2019.

(\*\*) Đây là khoản trích trước chi phí cho Dự án Nhà máy nước số 2 để chờ hướng xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chi tiết xem tại Thuyết minh số V.9.

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.910.176.307	1.860.962.029
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Tăng khác	108.770.000	100.539.212
Chi quỹ	(582.950.000)	(533.560.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.435.996.307</b>	<b>1.427.941.241</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tại phụ lục số 02.

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Chủ sở hữu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	51%	92.562.490.205	51%	92.562.490.205
Dương Hà Quang Huy	24,99%	45.355.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	-	-	24,99%	45.355.000.000
Hương Xuân Công	1,24%	2.250.000.000	1,24%	2.250.000.000
Trần Đăng Điều	0,55%	1.001.000.000	0,55%	1.001.000.000
Đối tượng khác	22,22%	40.325.970.000	22,22%	40.325.970.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>181.494.460.205</b>	<b>100%</b>	<b>181.494.460.205</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17c. Cổ phiếu**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.400.800	24.400.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****18a. Tài sản nhận giữ hộ**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hệ thống cấp nước thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	39.442.075.000	39.442.075.000
<b>Cộng</b>	<b>39.442.075.000</b>	<b>39.442.075.000</b>

Hệ thống cấp nước thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam là hệ thống bàn giao quản lý trước khi cổ phần hóa, và đang chờ hướng xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu từ bán nước sạch thành phố Bắc Giang	79.444.636.079	76.375.168.597
Doanh thu nước sạch xí nghiệp cấp nước Lục Nam	3.007.610.465	2.730.927.656
Doanh thu xây lắp	2.522.992.312	1.723.602.816
<b>Cộng</b>	<b>84.975.238.856</b>	<b>80.829.699.069</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Giảm giá hàng bán	10.372.222	4.407.661
<b>Cộng</b>	<b>10.372.222</b>	<b>4.407.661</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bán nước sạch thành phố Bắc Giang	51.677.528.718	47.168.134.112
Giá vốn bán nước xí nghiệp cấp nước Lục Nam	2.391.009.451	1.789.349.547
Giá vốn xây lắp	2.840.581.258	1.949.560.224
<b>Cộng</b>	<b>56.909.119.427</b>	<b>50.907.043.883</b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi tiết kiệm	703.508.830	2.112.771.142
<b>Cộng</b>	<b>703.508.830</b>	<b>2.112.771.142</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	10.986.606.764	12.821.528.858
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	199.112.056	121.334.400
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.480.240.419	2.751.064.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.472.301	722.937.595
Chi phí bằng tiền khác	299.136.154	320.385.376
<b>Cộng</b>	<b>15.756.567.694</b>	<b>16.737.250.565</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	5.756.096.096	5.514.934.730
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.407.155	151.963.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	155.714.924	158.089.924
Thuế, phí, lệ phí	23.534.073	24.392.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	995.370.042	1.689.192.307
Chi phí bằng tiền khác	911.253.716	910.741.295
<b>Cộng</b>	<b>7.927.376.006</b>	<b>8.449.314.810</b>

#### 7. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Thu 10% (phí TN được giữ lại)	394.342.591	386.822.039
Thu nhập khác	51.650.000	40.022.728
<b>Cộng</b>	<b>445.992.591</b>	<b>426.844.767</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.371.567.902	5.803.966.667
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi(*)	(437.156.790)	(870.595.000)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.934.411.112	4.933.371.667
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.149.446	18.149.446
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>217</b>	<b>272</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐHĐCĐTN-NSBG ngày 14 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định của đại hội cổ đông về phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.149.446	18.149.446
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thặng dư vốn cổ phần	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>18.149.446</b>	<b>18.149.446</b>

**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.934.411.112	4.933.371.667
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.934.411.112</b>	<b>4.933.371.667</b>
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.934.411.112	4.933.371.667
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.149.446	18.149.446
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>217</b>	<b>272</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.128.376.810	11.041.902.915
Chi phí nhân viên	23.377.577.100	27.483.002.598
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.627.113.877	6.095.545.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.018.513.421	3.216.180.160
Chi phí bằng tiền khác	34.441.481.919	28.256.978.470
<b>Cộng</b>	<b>80.593.063.127</b>	<b>76.093.609.258</b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

##### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

##### 2. Các khoản tiền và tương đương tiền mà công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không có các khoản tiền và tương đương tiền đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Thành viên quản lý chủ chốt.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ có giao dịch về tiền lương, thưởng, phụ cấp và cổ tức trong kỳ cho các thành viên quản lý chủ chốt được chi tiết tại bảng sau:

Họ và tên	Kỳ này				
	Lương	Thưởng, phụ cấp	Thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
Ông Hường Xuân Công	240.400.000	20.660.000	-	123.300.000	384.360.000
Ông Trần Đăng Điều	205.000.000	26.100.000	18.000.000	54.854.800	303.954.800
Ông Bùi Vĩnh Bắc	159.982.000	23.054.000	18.000.000	32.989.600	234.025.600
Ông Bùi Thế Bình	161.200.000	23.150.000	-	39.675.200	224.025.200
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	140.900.000	22.650.000	18.000.000	50.142.000	231.692.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	90.400.000	23.638.000	12.000.000	19.180.000	145.218.000
Bà Vũ Thị Thúy	86.200.000	22.778.000	9.000.000	16.440.000	134.418.000
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	-	-	9.000.000	-	9.000.000
Ông Trịnh Kiên	-	-	4.500.000	54.800	4.554.800
<b>Tổng</b>	<b>1.084.082.000</b>	<b>162.030.000</b>	<b>88.500.000</b>	<b>336.636.400</b>	<b>1.671.248.400</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Họ và tên	Kỳ trước				
	Lương	Thưởng, phụ cấp	Thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
Ông Hường Xuân Công	240.400.000	19.560.000	-	112.500.000	372.460.000
Ông Trần Đăng Điều	205.400.000	21.742.000	18.000.000	50.050.000	295.192.000
Ông Bùi Vĩnh Bắc	158.192.636	22.448.364	7.500.000	20.100.000	208.241.000
Ông Bùi Thế Bình	161.600.000	21.242.000	-	36.200.000	219.042.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	136.364.000	20.376.000	18.000.000	33.300.000	208.040.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	88.800.000	22.338.000	12.000.000	17.500.000	140.638.000
Bà Vũ Thị Thúy	70.600.000	18.244.000	9.000.000	15.000.000	112.844.000
<b>Tổng</b>	<b>1.061.356.636</b>	<b>145.950.364</b>	<b>64.500.000</b>	<b>284.650.000</b>	<b>1.556.457.000</b>

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Ông Nguyễn Trọng Hiếu là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần DNP Hawaco.

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Mua hàng	3.269.068.800	1.122.000.000
	Trả tiền cho nhà cung cấp	2.764.708.800	1.122.000.000

#### Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để đảm bảo cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

#### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.11.

## 2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán nước sạch và lắp đồng hồ nước.

#### Khu vực địa lý:

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn tỉnh Bắc Giang.

## 3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bắc Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2024.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



TRẦN ĐỨC THANH

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HƯƠNG XUÂN CÔNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	68.913.467.954	72.870.480.485	173.205.336.260	40.238.000	315.029.522.699
2. Tăng trong kỳ	-	2.054.332.000	5.813.290.210	-	7.867.622.210
- Tăng do mua mới	-	2.054.332.000	5.813.290.210	-	7.867.622.210
3. Giảm trong kỳ	12.954.000	-	16.454.900	-	29.408.900
- Giảm khác	12.954.000	-	16.454.900	-	29.408.900
4. Số dư cuối kỳ	68.900.513.954	74.924.812.485	179.002.171.570	40.238.000	322.867.736.009
- Trong đó TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	33.572.928.913	35.680.891.096	82.953.305.647	40.238.000	152.247.363.656
II. Giá trị hao mòn					
1. Giá trị hao mòn đầu năm	59.148.815.737	56.910.502.827	122.373.132.790	40.238.000	238.472.689.354
2. Tăng trong kỳ	1.766.379.252	2.086.506.225	2.774.228.400	-	6.627.113.877
Khấu hao trong kỳ	1.766.379.252	2.086.506.225	2.774.228.400	-	6.627.113.877
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
4. Giá trị hao mòn cuối kỳ	60.915.194.989	58.997.009.052	125.147.361.190	40.238.000	245.099.803.231
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	9.764.652.217	15.959.977.658	50.832.203.470	-	76.556.833.345
2. Tại ngày cuối kỳ	7.985.318.965	15.927.803.433	53.854.810.380	-	77.767.932.778

Trong đó: Đơn vị không có tài sản cố định mang đi cầm cố, thế chấp.

Người lập biểu

*Thanh*

TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng

*Phuong Thao*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



HƯƠNG XUÂN CÔNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	181.494.460.205	881.673.248	9.075.275.876	191.451.409.329
Tăng trong năm trước	-	-	5.803.966.667	5.803.966.667
+ Lãi trong kỳ này	-	-	5.803.966.667	5.803.966.667
Giảm trong kỳ này	-	-	(9.074.723.000)	(9.074.723.000)
+ Trả cổ tức năm 2022	-	-	(9.074.723.000)	(9.074.723.000)
Số dư tại ngày 30/06/2023	181.494.460.205	881.673.248	5.804.519.543	188.180.652.996
Số dư tại ngày 01/01/2024	181.494.460.205	881.673.248	9.959.517.180	192.335.650.633
Tăng trong kỳ này	-	-	4.371.567.902	4.371.567.902
+ Lãi trong kỳ này	-	-	4.371.567.902	4.371.567.902
Giảm trong kỳ này	-	-	(9.945.896.408)	(9.945.896.408)
+ Trả cổ tức năm 2023	-	-	(9.945.896.408)	(9.945.896.408)
Số dư tại ngày 30/06/2024	181.494.460.205	881.673.248	4.385.188.674	186.761.322.127

Người lập biểu

*Thanh*

TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng

*Thảo*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

